

Số: /QĐ-UBND

Ba Đồn, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt danh mục thủ tục hành chính tiếp nhận và giải quyết tại
Bộ phận Một cửa, Một cửa liên thông thị xã Ba Đồn**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng HĐND và UBND thị xã.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này danh mục gồm 194 thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và giải quyết tại Bộ phận Một cửa, Một cửa liên thông thị xã Ba Đồn, cụ thể:

- Phòng Kinh tế: 25 TTHC.
- Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội: 25 TTHC.
- Phòng Quản lý Đô thị: 31 TTHC.
- Phòng Tư pháp: 27 TTHC.
- Phòng Văn hóa – Thông tin: 24 TTHC
- Phòng Tài chính – Kế hoạch: 21 TTHC
- Phòng Tài nguyên – Môi trường: 07 TTHC
- Phòng Nội vụ: 09 TTHC
- Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thị xã: 24 TTHC
- Công an thị xã: 01 TTHC.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

- Các phòng, ban, đơn vị cấp thị xã có trách nhiệm thường xuyên rà soát, cập nhật, kịp thời tham mưu Chủ tịch UBND thị xã phê duyệt danh mục thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và giải quyết tại Bộ phận Một cửa, Một cửa liên thông thị xã Ba Đồn.

- Văn phòng HĐND và UBND thị xã có trách nhiệm công khai danh mục thủ tục hành chính được ban hành kèm theo Quyết định này trên Trang thông tin điện tử thị xã; đồng thời, chỉ đạo Bộ phận Một cửa thị xã niêm yết đầy đủ thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và giải quyết tại Bộ phận Một cửa, Một cửa liên thông thị xã, tổ chức thực hiện việc giải quyết thủ tục hành chính theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2343/QĐ-UBND ngày 22/9/2021 của Chủ tịch UBND thị xã Ba Đồn.

Điều 4. Chánh Văn phòng HĐND và UBND thị xã; Trưởng các phòng, ban, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Thường trực Thị ủy;
- Thường trực HĐND thị xã;
- CT, PCT UBND thị xã;
- VP HĐND – UBND thị xã;
- Bộ phận Một cửa thị xã;
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH

Đoàn Minh Thọ

Phụ lục
DANH MỤC CÁC TTHC THỰC HIỆN TIẾP NHẬN VÀ GIẢI QUYẾT TẠI
BỘ PHẬN MỘT CỬA, MỘT CỬA LIÊN THÔNG THỊ XÃ BA ĐỒN
(Ban hành kèm theo Quyết định /QĐ-UBND ngày tháng năm 2022
của UBND thị xã)

TT	Lĩnh vực/tên TTHC	Mã số TTHC trên Cổng dịch vụ công	Ghi chú
A. PHÒNG KINH TẾ			
I	Lĩnh vực Thủy sản (3)		
1	Công bố mở cảng cá loại 3	1.004478.000.00.00.H46	
2	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	1.003956.000.00.00.H46	Chưa phát sinh hồ sơ
3	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	1.004498.000.00.00.H46	Chưa phát sinh hồ sơ
II	Lĩnh vực Công nghiệp địa phương (1)		Chưa phát sinh hồ sơ
1	Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện		Chưa phát sinh hồ sơ
III	Lĩnh vực Thủy lợi (5)		Chưa phát sinh hồ sơ
1	Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND cấp tỉnh phân cấp	2.001627.000.00.00.H46	Chưa phát sinh hồ sơ
2	Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của UBND huyện	1.003471.000.00.00.H46	Chưa phát sinh hồ sơ
3	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND huyện (trên địa bàn từ 02 xã trở lên)	1.003459.000.00.00.H46	Chưa phát sinh hồ sơ
4	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND huyện (trên địa bàn từ 02 xã trở lên)	1.003456.000.00.00.H46	Chưa phát sinh hồ sơ
5	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND huyện	1.003347.000.00.00.H46	Chưa phát sinh hồ sơ
IV	Lĩnh vực Lâm nghiệp (1)		Chưa phát sinh hồ sơ
1	Phê duyệt, điều chỉnh, thiết kế dự toán	1.007919.000.00.00.H46	Chưa phát

	công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định đầu tư)		sinh hồ sơ
V	Lĩnh vực Quản lý chất lượng công trình xây dựng (HT) (1)		
1	Thủ tục kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng đối với các công trình trên địa bàn thuộc trách nhiệm quản lý của UBND thị xã (Đối với công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn)	000.00.52.H46	
VI	Lĩnh vực Quản lý chất lượng Nông lâm sản và thủy sản (3)		
1	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản (cấp huyện)	1.008274	
2	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản (trường hợp Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm vẫn còn thời hạn hiệu lực nhưng bị mất, bị hỏng, thất lạc hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm) (cấp huyện)	1.008276	
3	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản (trường hợp trước 06 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm hết hạn) (cấp huyện)	1.008275	
VII	Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước (3)		
1	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	2.000620.000.00.00.H46	
2	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	2.000181.000.00.00.H46	
3	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	2.000633.000.00.00.H46	Chưa phát sinh hồ sơ
4	Cấp lại Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	2.001240.000.00.00.H46	
5	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	2.000150.000.00.00.H46	
6	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	1.001279.000.00.00.H46	Chưa phát sinh hồ sơ
7	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu	2.000615.000.00.00.H46	
8	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ	2.000162.000.00.00.H46	

	sản phẩm thuốc lá		
9	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	2.000629.000.00.00.H46	Chưa phát sinh hồ sơ
VIII	Lĩnh vực Kinh doanh Khí (2)		
1	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	2.001283.000.00.00.H46	
2	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	2.001261.000.00.00.H46	
B. PHÒNG LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI			
I	Lĩnh vực Người có công (9)		
1	Giải quyết chế độ đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến	1.002363.000.00.00.H46	Chưa phát sinh hồ sơ
2	Thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với thân nhân người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế, người có công giúp đỡ cách mạng đã chết.	1.005387.000.00.00.H46	
3	Xác nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh đối với người bị thương không thuộc lực lượng công an, quân đội trong chiến tranh từ ngày 31/12/1991 trở về trước không còn giấy tờ	1.002741.000.00.00.H46	Chưa phát sinh hồ sơ
4	Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ	1.002745.000.00.00.H46	
5	Giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hoặc Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	1.001257.000.00.00.H46	Chưa phát sinh hồ sơ
6	Thực hiện chế độ ưu đãi trong giáo dục đào tạo đối với người có công với cách mạng và con của họ	1.003057.000.00.00.H46	
7	Giải quyết hưởng chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	1.002410.000.00.00.H46	
8	Giải quyết hưởng chế độ ưu đãi đối với con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	1.003351.000.00.00.H46	

9	Thủ tục xác nhận liệt sĩ đối với người không thuộc lực lượng quân đội, công an hy sinh trong chiến tranh từ ngày 31/12/1991 trở về trước không còn giấy tờ	1,010,197	
II	Lĩnh vực Bảo trợ xã hội (16)		
1	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền của Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội	2.000294.000.00.00.H46	Chưa phát sinh hồ sơ
2	Cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội có giấy phép hoạt động do Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội cấp	1.000684.000.00.00.H46	Chưa phát sinh hồ sơ
3	Chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	1.001758.000.00.00.H46	
4	Dùng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện	2.000477.000.00.00.H46	Chưa phát sinh hồ sơ
5	Đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền giải quyết của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	2.000291.000.00.00.H46	Chưa phát sinh hồ sơ
6	Đăng ký thay đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký thành lập đối với cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội	1.000669.000.00.00.H46	Chưa phát sinh hồ sơ
7	Giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội	2.000298.000.00.00.H46	Chưa phát sinh hồ sơ
8	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội	1.001731.000.00.00.H46	
9	Nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp	1.001739.000.00.00.H46	Chưa phát sinh hồ sơ
10	Quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, trong và ngoài tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	1.001753.000.00.00.H46	
11	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí	1.001776.000.00.00.H46	

	chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng		
12	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện	2.000286.000.00.00.H46	
13	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện	2.000282.000.00.00.H46	
14	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí điều trị người bị thương nặng ngoài nơi cư trú mà không có người thân thích chăm sóc	2.000777.000.00.00.H46	Chưa phát sinh hồ sơ
15	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí mai táng	2.000744.000.00.00.H46	
16	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở	2.000751.000.00.00.H46	Chưa phát sinh hồ sơ

C. PHÒNG TƯ PHÁP

I	Lĩnh vực Hộ tịch (16)		
1	Thủ tục Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài;	2.000528.000.00.00.H46	
2	Thủ tục Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài;	2.000806.000.00.00.H46	
3	Thủ tục Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài;	1.001766.000.00.00.H46	
4	Thủ tục Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài;	2.000779.000.00.00.H46	
5	Thủ tục Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài;	1.001695.000.0.00.H46	
6	Thủ tục Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài;	1.001669.000.00.00.H46	
7	Thủ tục Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài;	2.000756.000.00.00.H46	
8	Thủ tục Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài;	2.000522.000.00.00.H46	
9	Thủ tục Đăng ký Khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân;	1.000893.000.00.00.H46	
10	Thủ tục Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài;	2.000513.000.00.00.H46	
11	Thủ tục Đăng ký lại Khai tử có yếu tố nước ngoài.	2.000497.000.00.00.H46	
12	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc.	2.000748.000.00.00.H46	
13	Thủ tục Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của	2.002189.000.00.00.H46	MĐ4

	nước ngoài;		
14	Thủ tục Ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, huỷ việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài;	2.000554.000.00.00.H46	MĐ4
15	Thủ tục Ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch).	2.000547.000.00.00.H46	MĐ4
16	Thủ tục Thực hiện thủ tục cấp bản sao trích lục hộ tịch	2.000635.000.00.00.H46	MĐ4
II	Lĩnh vực Chứng thực (11)		
1	Thủ tục Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận;	2.000815.000.00.00.H46	
2	Thủ tục Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nước ngoài cấp hoặc chứng nhận.	2.000843.000.00.00.H46	
3	Thủ tục Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không ký, không điểm chỉ được);	2.000884.000.00.00.H46	
4	Thủ tục Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Phòng tư Pháp;	2.000992.000.00.00.H46	
5	Thủ tục Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật của Phòng tư Pháp.	2.001008.000.00.00.H46	
6	Thủ tục Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng giao dịch;	2.000913.000.00.00.H46	
7	Thủ tục sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch;	2.000927.000.00.00.H46	
8	Thủ tục cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực;	2.000942.000.00.00.H46	MĐ4
9	Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản;	2.001044.000.00.00.H46	
10	Thủ tục chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản;	2.001050.000.00.00.H46	

11	Thủ tục chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản.	2.001052.000.00.00.H46	
D. PHÒNG VĂN HÓA – THÔNG TIN			
I	TTHC lĩnh vực văn hóa (9)		
1	Thủ tục công nhận lần đầu Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới	Quyết định 1058/QĐ-UBND ngày	
2	Thủ tục công nhận lại Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới	1.004644.000.00.00.H46	
3	Thủ tục công nhận lại Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị	1.004622.000.00.00.H46	
4	Thủ tục công nhận lần đầu Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị	1.004634.000.00.00.H46	
5	Thủ tục đăng ký tổ chức lễ hội cấp huyện	1.003645.000.00.00.H46	
6	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp huyện	1.003635.000.00.00.H46	
7	Thủ tục công nhận lần đầu Cơ quan đạt chuẩn văn hóa, Đơn vị đạt chuẩn văn hóa, Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa	1.004648.000.00.00.H46	
8	Thủ tục xét tặng danh hiệu Khu dân cư văn hóa hàng năm	2.000440.000.00.00.H46	
9	Thủ tục xét tặng Giấy khen Khu dân cư văn hóa	1.000933.000.00.00.H46	
II	TTHC lĩnh vực In phát hành (2)		
1	Khai báo hoạt động cơ sở dịch vụ photocopy	2.001931.000.00.00.H46	
2	Thay đổi thông tin khai báo hoạt động cơ sở dịch vụ photocopy	2.001762.000.00.00.H46	
III	TTHC lĩnh vực Phát thanh truyền hình và Thông tin điện tử (4)		
1	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	2.001885.000.00.00.H46	
2	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	2.001786.000.00.00.H46	
3	Gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	2.001880.000.00.00.H46	

4	Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	2.001884.000.00.00.H46	
IV	TTHC lĩnh vực Thư viện (3)		
1	Thủ tục thông báo thành lập đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập và thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng	1.008898.000.00.00.H46	
2	Thủ tục thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập, thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng	1.008899.000.00.00.H46	
3	Thủ tục thông báo chấm dứt hoạt động thư viện đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập, thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng	1.008900.000.00.00.H46	
VI	TTHC lĩnh vực Gia đình (6)		
1	Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình	1.001874.000.00.00.H46	
2	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình	1.003103.000.00.00.H46	
3	Thủ tục cấp Giấy Chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình	1.003140.000.00.00.H46	
4	Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình	1.003185.000.00.00.H46	
5	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình	1.003226.000.00.00.H46	
6	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình	1.003243.000.00.00.H46	

E. PHÒNG NỘI VỤ			
I	Lĩnh vực Tín ngưỡng, Tôn giáo (4)		
1	Thủ tục thông báo mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo theo quy định tại Khoản 2 Điều 41 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo	1.001228.000.00.00.H46	
2	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có đại bản hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc một huyện	2.000267.000.00.00.H46	
3	Thủ tục thông báo tổ chức hội nghị thường niên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một huyện	1.001220.000.00.00.H46	
4	Thủ tục thông báo tổ chức quyên góp ngoài địa bàn một xã nhưng trong địa bàn một huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố Trung ương của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc	1.001180.000.00.00.H46	
II	Lĩnh vực Thi đua khen thưởng (5)		
1	Thủ tục tặng danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”	2.000402.000.00.00.H46	
2	Thủ tục tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”	1.000843.000.00.00.H46	
3	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích đột xuất	1.000804.000.00.00.H46	
4	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích thi đua theo đợt, chuyên đề	2.000374.000.00.00.H46	
5	Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện cho gia đình	2.000356.000.00.00.H46	
F. PHÒNG QUẢN LÝ- ĐÔ THỊ			
I	Hạ tầng kỹ thuật đô thị (1)		
1	Thủ tục cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện	XDH001	
II	Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng (1)		
1	Thủ tục cung cấp thông tin về địa điểm xây dựng, chỉ giới xây dựng, chỉ giới đường đỏ, cốt xây dựng và thông tin khác liên quan đến quy hoạch	QHXXH_TTQH_H	
III	Cấp giấy phép xây dựng (6)		
1	Cấp Giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình	CPXDH05_01	

	không theo tuyến /theo tuyến trong đô thị /tín ngưỡng, tôn giáo /tượng đài, tranh hoành tráng /theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến /theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị /dự án) và nhà ở riêng lẻ		
2	Cấp Giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình không theo tuyến /theo tuyến trong đô thị /tín ngưỡng, tôn giáo /tượng đài, tranh hoành tráng /theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến /theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị /dự án) và nhà ở riêng lẻ	CPXDH05_02	
3	Cấp Giấy phép di dời đối với công trình cấp cấp III, cấp IV (công trình không theo tuyến /theo tuyến trong đô thị /tín ngưỡng, tôn giáo /tượng đài, tranh hoành tráng /theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến /theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị /dự án) và nhà ở riêng lẻ	CPXDH05_03	
4	Cấp điều chỉnh Giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình không theo tuyến /theo tuyến trong đô thị /tín ngưỡng, tôn giáo /tượng đài, tranh hoành tráng /theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến /theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị /dự án) và nhà ở riêng lẻ	CPXDH05_04	
5	Gia hạn Giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình không theo tuyến /theo tuyến trong đô thị /tín ngưỡng, tôn giáo /tượng đài, tranh hoành tráng /theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến /theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị /dự án) và nhà ở riêng lẻ	CPXDH05_05	
6	Cấp lại Giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình không theo tuyến /theo tuyến trong đô thị /tín ngưỡng, tôn giáo /tượng đài, tranh hoành tráng /theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến /theo giai	CPXDH05_06	

	đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị /dự án) và nhà ở riêng lẻ		
IV	Đăng ký phương tiện thủy nội địa (9)		
1	Thủ tục đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	XDH030	
2	Thủ tục đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	XDH031	
3	Thủ tục đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	XDH032	
4	Thủ tục đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	XDH033	
5	Thủ tục đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	XDH034	
6	Thủ tục đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật	XDH035	
7	Thủ tục đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	XDH036	
8	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa	XDH037	
9	Thủ tục xóa giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa	XDH038	
V	Quy hoạch xây dựng (13)		
1	Thủ tục cấp giấy phép quy hoạch dự án đầu tư xây dựng công trình thuộc thẩm quyền của UBND thị xã	XDH025	
2	Thủ tục thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết đô thị thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND thị xã	XDH070	
3	Thủ tục thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng khu chức năng đặc thù thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh trong phạm vi địa giới hành chính thị xã quản lý	XDH071	

4	Thủ tục thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư nông thôn thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh trong phạm vi địa giới hành chính thị xã quản lý	XDH057	
5	Thủ tục thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết đô thị thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND thị xã	XDH056	
6	Thủ tục thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng khu chức năng đặc thù thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh trong phạm vi đại giới hành chính thị xã quản lý	XDH055	
7	Thủ tục thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư nông thôn thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh trong phạm vi địa giới hành chính thị xã quản lý	XDH072	
8	Thủ tục thẩm định, phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết đô thị thuộc thẩm quyền của UBND thị xã	XDH054	
9	Thủ tục thẩm định, phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng khu chức năng đặc thù thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh trong phạm vi địa giới hành chính thị xã quản lý	XDH053	
10	Thủ tục thẩm định, phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư nông thôn thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh trong phạm vi địa giới hành chính thị xã quản lý	XDH052	
11	Thủ tục thẩm định, phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết đô thị thuộc thẩm quyền của UBND thị xã	XDH051	
12	Thủ tục thẩm định, phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng khu chức năng đặc thù thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh trong phạm vi địa giới hành chính thị xã quản lý	XDH050	

13	Thủ tục thẩm định, phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư nông thôn thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh trong phạm vi địa giới hành chính thị xã quản lý	XDH049	
VI	Quản lý chất lượng công trình xây dựng và Hoạt động xây dựng (1)		
1	Thủ tục kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình (đối với các công trình trên địa bàn thuộc trách nhiệm quản lý của cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện, trừ các công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra của Sở Xây dựng, các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, Hội đồng kiểm tra nhà nước về công tác nghiệm thu công trình xây dựng và Cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ Xây dựng, Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành)	CLXD01	

G. PHÒNG TÀI CHÍNH – KẾ HOẠCH

I	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh (4)		
1	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	1.001612.000.00.00.H46	
2	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	2.000720.000.00.00.H46	
3	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	2.000575.000.00.00.H46	
4	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	1.001266.000.00.00.H46	
II	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của Hợp tác xã (17)		
1	Đăng ký thành lập Hợp tác xã	1.005280.000.00.00.H46	
2	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký Hợp tác xã	1.005277.000.00.00.H46	
3	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (khi đổi từ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sang giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã)	2.001973.000.00.00. H46	
4	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (khi bị mất)	2.001973.000.00.00. H46	
5	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (khi bị hư hỏng)	2.001973.000.00.00. H46	
6	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trực thuộc hợp tác xã	2.002123.000.00.00. H46	

7	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	1.005378.000.00.00.H46	
8	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện hợp tác xã (khi bị mất)	1.005010.000.00.00.H46	
9	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện hợp tác xã (khi bị hư hỏng)	2.001973.000.00.00. H46	
10	Đăng ký hợp tác xã chia	2.002122.000.00.00. H46	
11	Đăng ký khi hợp tác xã tách	2.002120.000.00.00. H46	
12	Đăng ký khi hợp tác xã hợp nhất	1.005121.000.00.00.H46	
13	Đăng ký khi hợp tác xã sáp nhập	1.004972.000.00.00.H46	
14	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã	2.001958.000.00.00.H46	
15	Thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (Đối với trường hợp hợp tác xã giải thể tự nguyện)		
16	Tạm ngừng hoạt động của hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	1.005377.000.00.00.H46	
17	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	1.005010.000.00.00.H46	

H. PHÒNG TÀI NGUYÊN – MÔI TRƯỜNG

I	Lĩnh vực đất đai (6)		
1	Thủ tục giao đất, cho thuê đất thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất	1.006646	
2	Thủ tục giao đất, cho thuê đất cho hộ gia đình, cá nhân; giao đất cho cộng đồng dân cư đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất	2.000381.000.00.00.H46	
3	Thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hộ gia đình, cá nhân	1.000798.000.00.00.H46	
4	Thủ tục thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất đối với trường hợp thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, thu hồi đất ở của người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam	1.005367.000.00.00.H46	
5	Thủ tục thu hồi đất ở trong khu vực bị ô nhiễm môi trường có nguy cơ đe dọa	1.005187.000.00.00.H46	

	tính mạng con người; đất ở có nguy cơ sạt lở, sụt lún, bị ảnh hưởng bởi hiện tượng thiên tai khác đe dọa tính mạng con người đối với trường hợp thu hồi đất ở của hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam		
6	Thủ tục thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng	1.006647	
II	Lĩnh vực Môi trường (1)		
1	Cấp giấy phép môi trường	1.010723.000.00.00.H46	
I. CHI NHÁNH VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI			
I.	Lĩnh vực đất đai (24)		
1	Thủ tục đăng ký và cấp Giấy chứng nhận lần đầu	1.002314.000.00.00.H46	
2	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đối với diện tích đất tăng thêm so với giấy tờ về quyền sử dụng đất và ranh giới thửa đất đang sử dụng có thay đổi so với ranh giới thửa đất tại thời điểm có giấy tờ về quyền sử dụng đất đối với trường hợp thửa đất gốc hoặc diện tích tăng thêm hoặc toàn bộ diện tích của thửa đất gốc và diện tích đất tăng thêm chưa được cấp Giấy chứng nhận	1.006648	
3	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	1.002314.000.00.00.H46	
4	Thủ tục đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất	1.002291.000.00.00.H46	
5	Thủ tục đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất	1.000755.000.00.00.H46	
6	Thủ tục đăng ký bổ sung tài sản gắn liền với đất của người sử dụng đất đã được	1.006632	

	cấp Giấy chứng nhận		
7	Thủ tục đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý	1.002214.000.00.00.H46	
8	Thủ tục đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp nhận chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định	1.003907.000.00.00.H46	
9	Thủ tục xác định lại diện tích đất ở cho hộ gia đình, cá nhân đã được cấp giấy chứng nhận	1.006642	
10	Thủ tục đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng; tăng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất đã có Giấy chứng nhận	2.000410.000.00.00.H46	
11	Thủ tục xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	1.003886.000.00.00.H46	
12	Thủ tục đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp trúng đấu giá quyền sử dụng đất; giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất	2.000365.000.00.00.H46	
13	Thủ tục đăng ký biến động về sử dụng	1.003877.000.00.00.H46	

	đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận; giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận		
14	Thủ tục đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền	1.003595.000.00.00.H46	
15	Thủ tục đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề	1.003855.000.00.00.H46	
16	Thủ tục xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu	1.003013.000.00.00.H46	
17	Thủ tục tách thửa hoặc hợp thửa đất	1.003000.000.00.00.H46	
18	Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận (đối với trường hợp ranh giới thửa đất đang sử dụng thực tế không thay đổi so với ranh giới thửa đất tại thời điểm có Giấy chứng nhận)	1.004199.000.00.00.H46	
19	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận hoặc Trang bổ sung của Giấy chứng nhận do bị mất	1.005194.000.00.00.H46	
20	Thủ tục đính chính Giấy chứng nhận đã cấp (Cấp huyện)	1.002978.000.00.00.H46	
21	Thủ tục đính chính Giấy chứng nhận đã cấp (Cấp tỉnh)	1.004193.000.00.00.H46	
22	Thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai tại điểm d khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013	1.002969.000.00.00.H46	
23	Thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài	1.002969.000.00.00.H46	

	sản gắn liền với đất phát hiện		
24	Thủ tục cung cấp dữ liệu đất đai	1.010233	
J. CÔNG AN THỊ XÃ (1)			
1	Cấp, cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự để kinh doanh một số ngành, nghề kinh doanh có điều kiện		